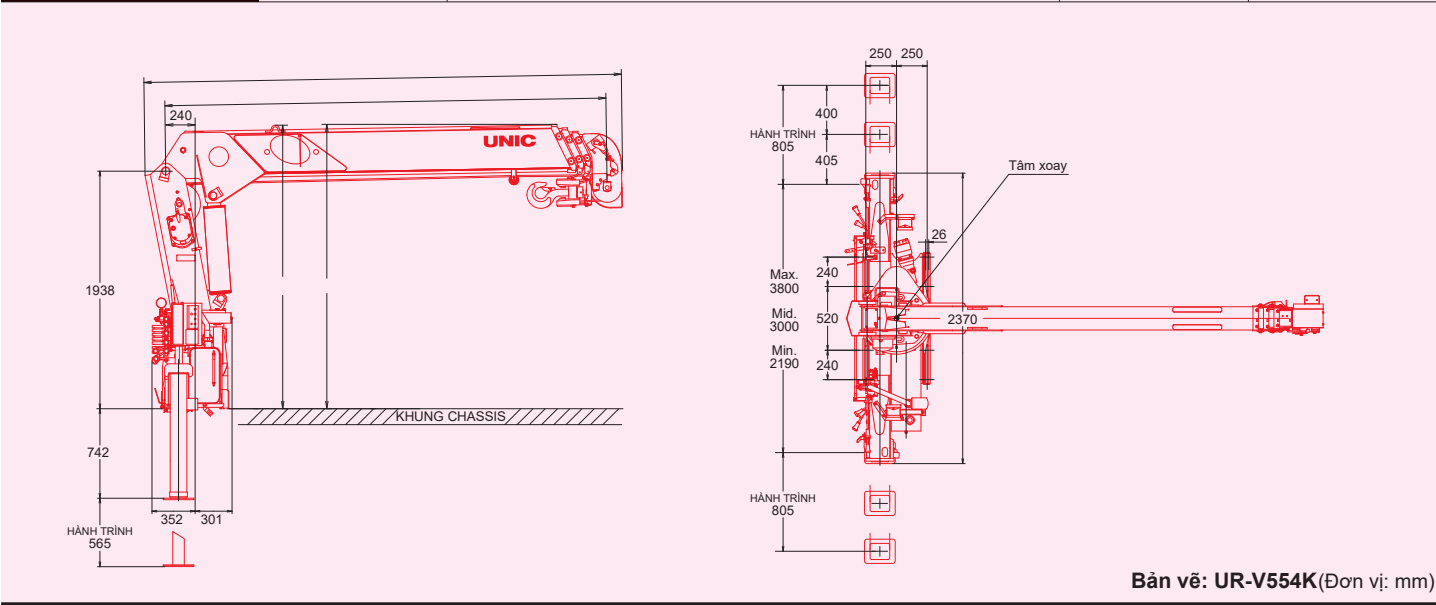


Bảng thông số kỹ thuật

Model	UR-V553K	UR-V554K	UR-V555K	UR-V556K
Tải trọng nâng tối đa	5050kg tại 2.5m	5050kg tại 2.5m	5050kg tại 2.5m	5050kg at 2.5m
Chiều cao nâng tối đa	Tối đa 10.2m	Tối đa 12.7m	Tối đa 15.1m	Tối đa 17.3m
Bán kính làm việc tối đa	0.69m ~ 8.13m	0.70m ~ 10.63m	0.74m ~ 13.14m	0.77m ~ 15.50m
Chiều dài cần	3.54m ~ 8.37m	3.60m ~ 10.87m	3.78m ~ 13.38m	3.96m ~ 15.74m
Số đoạn cần	3	4	5	6
Góc nâng cần	1° ~ 78°	1° ~ 78°	1° ~ 78°	1° ~ 78°
Góc quay (liên tục)	360°	360°	360°	360°
Tự trọng cầu	1510kg	1635kg	1720kg	1810kg

Kích thước lắp đặt cầu

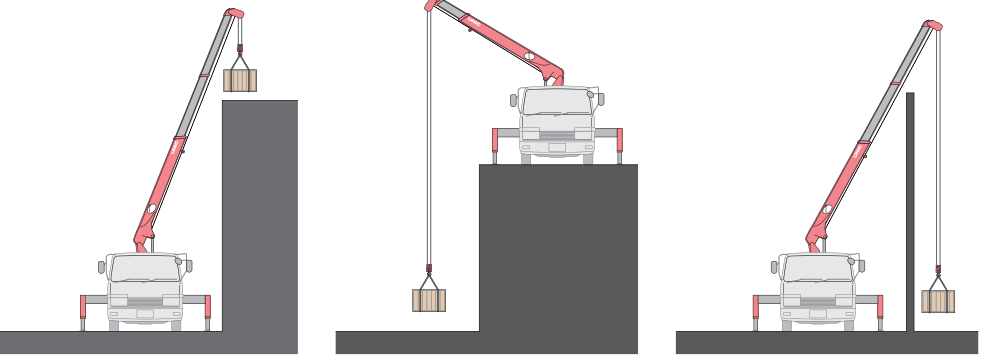
Model	①	②	③	④
UR-V553K	3836	Min. 3540 ~ Mid. 5970 ~ Max. 8370	2313	2320
UR-V554K	3897	Min. 3600 ~ Mid. 6030 ~ 8450 ~ Max. 10870	2313	2320
UR-V555K	4077	Min. 3780 ~ Mid. 6180 ~ 8580 ~ 10980 ~ Max. 13380	2360	2363
UR-V556K	4255	Min. 3960 ~ Mid. 6360 ~ 8750 ~ 11080 ~ 13410 ~ Max. 15740	2397	2548



Bản vẽ: UR-V554K(Đơn vị: mm)

Cầu UNIC: cao, thấp hay chật hẹp, luôn an toàn, chắc chắn và đáng tin cậy

Cầu UNIC luôn đáp ứng mọi yêu cầu làm việc trong điều kiện trên cao, dưới thấp hay nơi chật hẹp. Từ những công việc cần lực nâng lớn, cho đến việc nâng hàng qua tường với khả năng nâng hạ không bị hạn chế. Với những công việc nâng hàng từ dưới sâu, cầu UNIC khoẻ và làm việc chính xác. Ngoài ra chúng còn nhiều tính năng an toàn khác.



Nhà cao tầng, tường và bất cứ thứ gì, cầu UNIC có thể nâng cao một cách chính xác và an toàn, hoạt động chắc chắn. Sự đáng tin cậy của cầu nằm tất cả trong sức mạnh, thiết kế và những đặc tính nguyên bản của cầu UNIC.

Khả năng làm việc cao hơn khi cầu hàng dưới sâu. Cầu UNIC có thể chịu tải nặng trong các công việc dưới hồ sâu với sự chính xác và ổn định. Đa dạng các dòng sản phẩm giúp đảm bảo đáp ứng linh hoạt các yêu cầu công việc.

Cầu UNIC là lựa chọn chính xác cho những công việc tại nơi chật hẹp. Với những sợi cáp bằng thép chắc khoẻ có nghĩa là sẽ có thêm sự tin cậy và an toàn trong bất cứ hoàn cảnh làm việc nào. Cầu UNIC luôn là sự lựa chọn đúng đắn cho các công việc trên cao, dưới thấp hay nơi chật hẹp.

CHÚ Ý

MÓC CẦU
+
DÂY TREO
+
VẬT TẢI
=
TẢI TRỌNG ĐỊNH MỨC

- Tải trọng định mức được thể hiện trong biểu đồ cần cử vào độ bên của cầu trong điều kiện các chân chống được mở rộng hết cỡ khi xe cân bằng trên bề mặt vững chắc trong bán kính làm việc thực tế bao gồm cả độ cong của cần.
- Khối lượng của móc (50kg), các dây treo và bắt cử phụ kiện nào lắp vào cần cầu hoặc phần chịu tải phải được trừ đi khỏi các tải nêu trên trong biểu đồ.
- Tải trọng được thể hiện phải giảm tương ứng với tải trọng xe, tình trạng có tải của xe, vị trí lắp đặt cầu và tốc độ vận hành.
- Các số liệu liên quan đến vận tốc dựa trên cơ sở hoạt động không tải ở điều kiện lưu lượng dầu định mức.
- Theo đúng chính sách của chúng tôi, không ngừng cải tiến sản phẩm, mọi đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không phải báo trước.

FURUKAWA UNIC CORPORATION

Địa chỉ: 5-3, Nihonbashi 1-chome, Chuo-ku, TOKYO 103-0027 JAPAN
Điện thoại: (81-3) 32318613
Fax: (81-3) 3231 8261
Website: www.unicccrane-global.com

SAMCO - NHÀ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC CẦN CẦU UNIC

Địa chỉ: 262 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 37527 005
Fax: (81-28) 37527006
Website: www.xechuyendung.net.vn - www.samco.com.vn

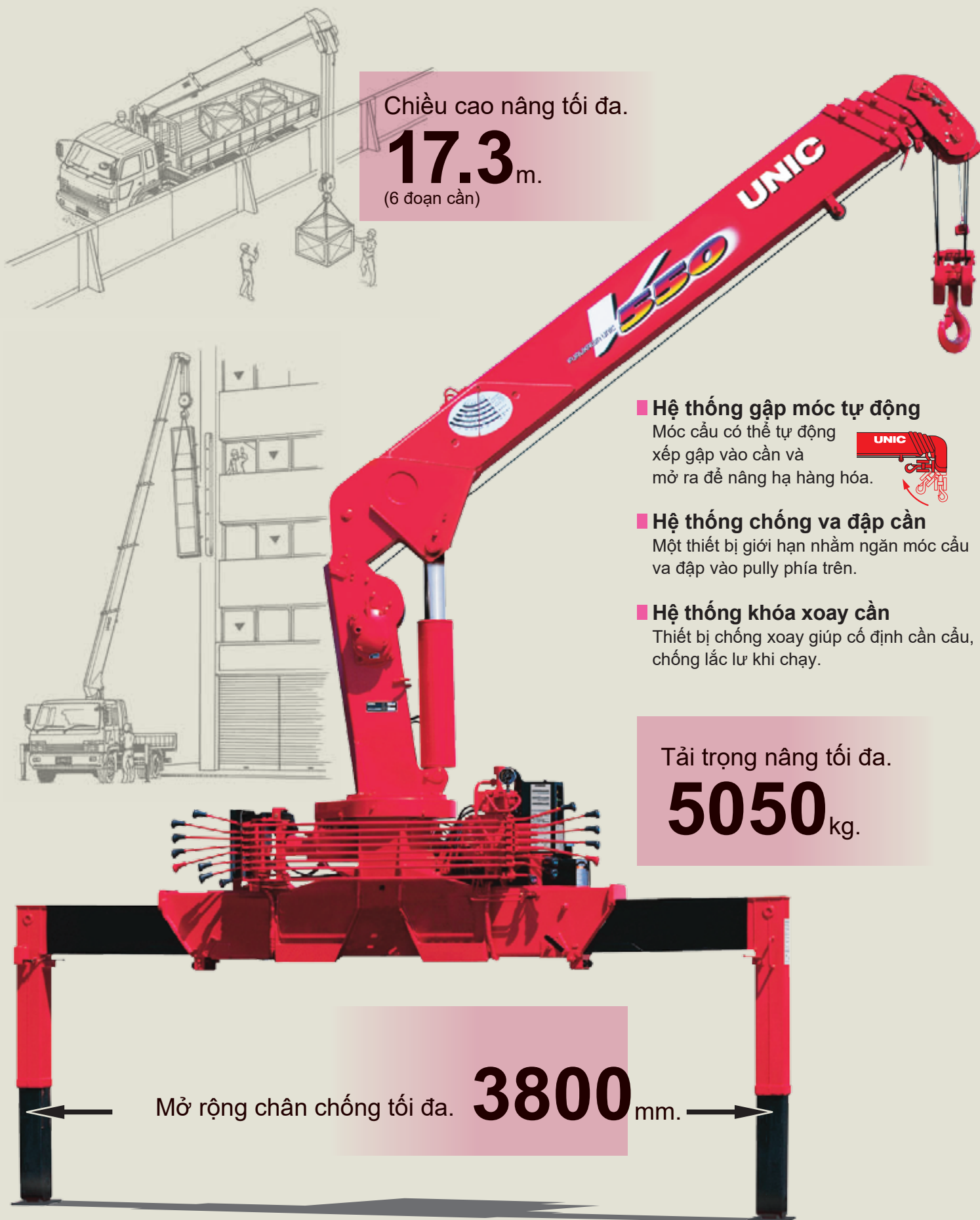
Đồng hành và chia sẻ

FURUKAWA UNIC CORPORATION

Cần cầu lắp trên xe tải UNIC
Dòng sản phẩm UR-V550K-TH
Dành cho xe tải nặng

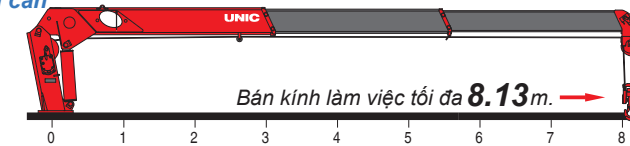
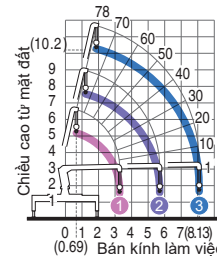
V550K-TH

Tải trọng nâng tối đa **5050** kg.



V553K-TH 3 đoạn cần

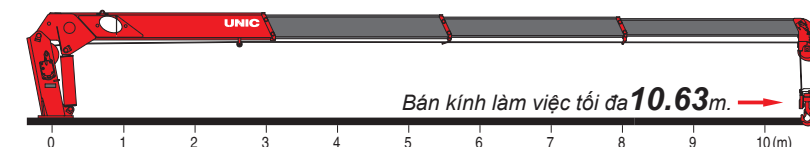
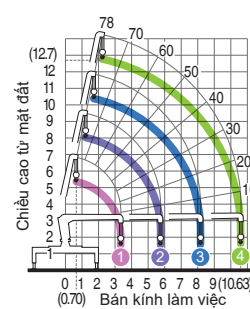
Tầm hoạt động (m)



Rated Loads (kg)	0.69~2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	7.0	8.13
1	5050	4050	3500 (3.30m)							
2	4050	4050	3350	2950	2600	2300	2000	1900 (5.73m)		
3		3050	3050	2950	2600	2300	2000	1750	1450	1250

V554K-TH 4 đoạn cần

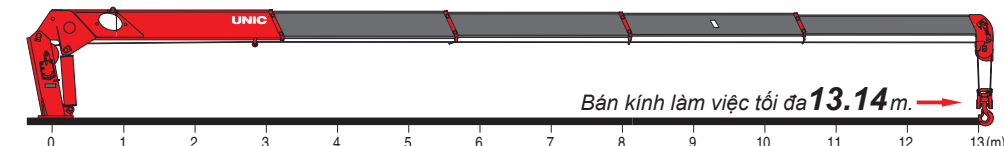
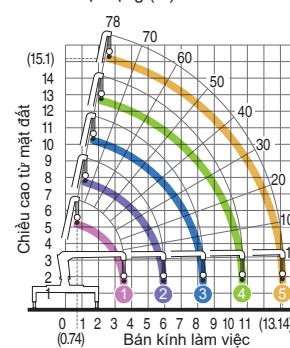
Tầm hoạt động (m)



Rated Loads (kg)	0.70~2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	7.0	8.0	9.0	10.63
1	5050	4050	3500 (3.36m)									
2	4050	4050	3350	2950	2600	2300	1950	1900 (5.79m)				
3		3050	3050	2950	2600	2300	1950	1750	1400	1150 (8.21m)		
4			2050	2050	2050	1850	1650	1500	1250	1100	1000	800

V555K-TH 5 đoạn cần

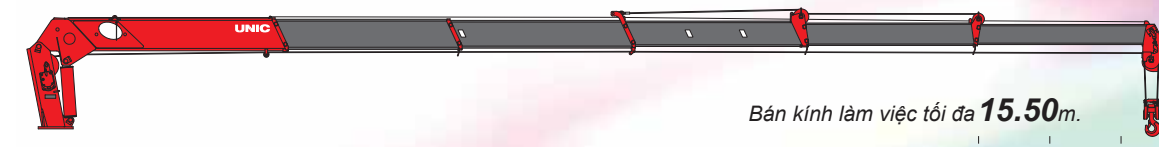
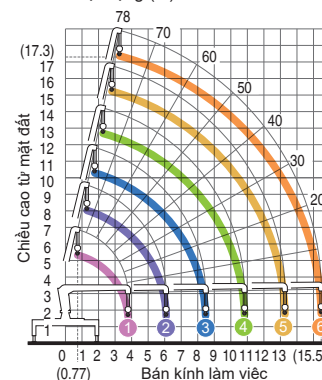
Tầm hoạt động (m)



Rated Loads (kg)	0.74~2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	7.0	8.0	9.0	10.0	11.0	12.0	13.14
1	5050	4050	3250 (3.54m)												
2	4050	4050	3250	2750	2450	2150	1900	1700 (5.94m)							
3		3050	3050	2750	2450	2150	1900	1650	1350	1100 (8.34m)					
4				2050	2050	1850	1650	1500	1250	1050	900	800	750 (10.74m)		
5						1350	1350	1200	1100	950	850	750	650	600	500

V556K-TH 6 đoạn cần

Tầm hoạt động (m)



Rated Loads (kg)	0.77~2.5	3.0	3.5	4.0	4.5	5.0	5.5	6.0	7.0	8.0	9.0	10.0	11.0	12.0	13.0	15.50
1	5050	4050	3250 (3.72m)													
2	4050	4050	3250	2750	2450	2150	1900	1650 (6.12m)								
3	3050	3050	3050	2750	2450	2150	1900	1650	1350	1050 (8.51m)						
4				2050	2050	1850	1650	1500	1250	1050	900	800	750 (10.84m)			
5						1350	1350	1200	1100	950	850	750	650	600	550	500 (13.17m)
6										550	450	400	400	350	300	250